

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc chấp hành quy định pháp luật trong công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch tại UBND xã Trà Bình, huyện Trà Bông, tỉnh Quảng Ngãi

Thực hiện Quyết định số 52/QĐ-STP ngày 16/6/2021 của Giám đốc Sở Tư pháp về thanh tra chuyên ngành việc chấp hành quy định pháp luật trong công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch tại Phòng Tư pháp huyện Trà Bông, UBND các xã Trà Bình, Trà Bùi, Trà Tân, huyện Trà Bông, tỉnh Quảng Ngãi; Đoàn Thanh tra Sở Tư pháp đã tiến hành thanh tra tại UBND xã Trà Bình.

Xét Báo cáo số 08/BC-ĐTTr ngày 28/9/2021 của Trưởng Đoàn Thanh tra, Giám đốc Sở Tư pháp kết luận như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

1. Đặc điểm, tình hình đơn vị

Trà Bình là một xã đồng bằng của huyện miền núi Trà Bông, cách trung tâm huyện 12 km về phía đông. Xã có diện tích tự nhiên 2.183,45 ha, dân số 5.736 người. Trà Bình có vị trí địa lý thuận lợi, tài nguyên thiên nhiên đa dạng, phong phú, tạo điều kiện để phát triển kinh tế - xã hội và thu hút đầu tư. Về vị trí tiếp giáp: Phía đông giáp xã Bình Mỹ, huyện Bình Sơn; phía tây giáp xã Trà Phú, huyện Trà Bông; phía nam giáp xã Trà Tân, huyện Trà Bông và xã Tịnh Hiệp, huyện Sơn Tịnh; phía Bắc giáp xã Bình Minh, huyện Bình Sơn và xã Trà Giang, huyện Trà Bông.

Công tác quản lý nhà nước về các lĩnh vực tư pháp - hộ tịch được lãnh đạo UBND xã Trà Bình quan tâm, thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc công chức tư pháp - hộ tịch thực hiện theo đúng quy định pháp luật. Hằng năm, UBND xã có ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hộ tịch, chứng thực tại địa phương. UBND xã đã thực hiện nghiêm yết công khai các thủ tục hành chính về lĩnh vực hộ tịch và chứng thực hợp đồng, giao dịch tại bộ phận một cửa của UBND xã theo đúng quy định.

Về biên chế thực hiện nhiệm vụ tham mưu công tác tư pháp: UBND xã Trà Bình bố trí 02 công chức có trình độ chuyên môn phù hợp với tiêu chuẩn của công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc: UBND xã đã trang bị đầy đủ, đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ.

2. Kết quả thực hiện

Trong thời kỳ thanh tra (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020), UBND xã Trà Bình đã thực hiện đăng ký 243 sự kiện hộ tịch và chứng thực 227 hợp đồng, giao dịch. Cụ thể:

a) Công tác đăng ký và quản lý hộ tịch

SỰ KIỆN HỘ TỊCH	Năm 2020 <i>(từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020)</i>	Ghi chú
Đăng ký khai sinh	93	
Trong đó: - Đúng hạn	77	
- Quá hạn	07	
- Đăng ký lại	09	
Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	84	
Đăng ký kết hôn	35	
Trong đó: - Đăng ký lần đầu	35	
- Đăng ký lại	0	
Đăng ký khai tử	31	
Trong đó: - Đúng hạn	20	
- Quá hạn	11	
- Đăng ký lại	0	
Tổng cộng	243	

b) Công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch

LOẠI HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH	Năm 2020 <i>(từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020)</i>	Ghi chú
Chuyển nhượng	37	
Tặng cho	27	
Thế chấp	79	
Phân chia di sản thừa kế	08	
Các loại hợp đồng, giao dịch khác	76	
Tổng cộng	227	

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

Kết quả kiểm tra hồ sơ, sổ đăng ký, quản lý hộ tịch và chứng thực hợp đồng, giao dịch do UBND xã Trà Bình thực hiện. Cụ thể như sau:

1. Ưu điểm

- Sử dụng Sổ đăng ký hộ tịch và Sổ chứng thực hợp đồng, giao dịch theo đúng biểu mẫu quy định.
- Sổ được đóng dấu giáp lai, khóa Sổ đúng quy định.
- Hồ sơ đăng ký hộ tịch và chứng thực hợp đồng, giao dịch được lưu trữ cẩn thận, sắp xếp khoa học, thuận tiện cho quản lý, tra cứu, sử dụng về sau.
- Hồ sơ, tài liệu đăng ký hộ tịch, về cơ bản đúng thủ tục quy định.

2. Sai sót

2.1. Công tác đăng ký, quản lý hộ tịch

a) Về ghi chép Sổ hộ tịch

Một số trường hợp, công chức tư pháp - hộ tịch bỏ trống thông tin trong Sổ đăng ký hộ tịch. Cụ thể: Tại số đăng ký 11/2020 trong Sổ đăng ký khai sinh, bỏ trống thông tin mục Giấy tờ tùy thân của người đi khai sinh; tại số đăng ký 05/2020 trong Sổ đăng ký khai tử, bỏ trống thông tin ngày tháng năm chết.

Việc ghi thông tin vào Sổ hộ tịch phải thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 19 Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch (nội dung này được quy định tại khoản 5 Điều 29 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch, có hiệu lực thi hành từ ngày 16/7/2020. Theo đó, thông tin tại các cột, mục trong Sổ hộ tịch, giấy tờ hộ tịch phải được ghi đầy đủ, chính xác theo đúng hướng dẫn trong Sổ hộ tịch và Thông tư của Bộ Tư pháp.

b) Về hồ sơ đăng ký hộ tịch

02 trường hợp, UBND xã đăng ký kết hôn vi phạm thủ tục quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP: *Trường hợp đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân cấp xã mà người yêu cầu đăng ký kết hôn không thường trú tại xã, phường, thị trấn nơi đăng ký kết hôn thì phải nộp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân do Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền cấp theo quy định tại các Điều 21, 22 và 23 của Nghị định này;* và khoản 1 Điều 21 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP quy định: *Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi thường trú của công dân Việt Nam thực hiện việc cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân. Trường hợp công dân Việt Nam không có nơi thường trú, nhưng có đăng ký tạm trú theo quy định của pháp luật về cư trú thì Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi người đó đăng ký tạm trú cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.*

Cụ thể:

- Trường hợp đăng ký kết hôn số 12/2020, người vợ cư trú tại xã Tịnh Hiệp, huyện Sơn Tịnh nhưng hồ sơ không có Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân do UBND xã Tịnh Hiệp cấp.

- Trường hợp đăng ký kết hôn số 28/2020, người vợ cư trú tại xã Bình Hải, huyện Bình Sơn nhưng hồ sơ không có Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân do UBND xã Bình Hải cấp mà có Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân do UBND Bình Trị, huyện Bình Sơn cấp.

2.2. Công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch

a) Về Sổ chứng thực hợp đồng, giao dịch

Tại bìa Sổ chứng thực hợp đồng, giao dịch và nội dung trang lời chứng ghi quyền số 01/SCT/HĐ,GD là không đúng hướng dẫn tại Mục II Phụ lục mẫu lời chứng, mẫu sổ chứng thực được ban hành kèm theo Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch. Theo quy định này, thông tin về quyền số phải ghi số quyền, năm thực hiện chứng thực (Ví dụ: 01/2019); nếu một năm dùng nhiều sổ thì ghi số thứ tự liên tiếp (Ví dụ: 02/2019); trường hợp một sổ sử dụng cho nhiều năm thì ghi số thứ tự theo từng năm (Ví dụ: 01/2018 + 01/2019 + 01/2020).

b) Về hồ sơ chứng thực hợp đồng, giao dịch

03 trường hợp, UBND xã chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến việc thực hiện quyền của người sử dụng đất, hồ sơ không lưu bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cụ thể:

- Hồ sơ số 160, ngày 06/8/2020, chứng thực hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa hộ ông Nguyễn Ngọc Lưu và bên nhận chuyển nhượng là ông Nguyễn Ngọc Kết, bà Nguyễn Thị Thanh Thúy.

- Hồ sơ số 204, ngày 19/11/2020, chứng thực hợp đồng ủy quyền giữa bên ủy quyền là hộ bà Bạch Thị Hoàng và bên được ủy quyền là ông Đỗ Ngọc Lành, bên A ủy quyền cho bên B trọn quyền thế chấp quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 105690 do UBND huyện Trà Bồng cấp ngày 31/12/2014.

- Hồ sơ số 220, ngày 15/12/2020, chứng thực hợp đồng ủy quyền giữa hộ ông Lê Văn Minh và ông Lê Công Vương (ủy quyền thế chấp quyền sử dụng đất, hồ sơ không lưu Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

Các trường hợp này đều vi phạm thủ tục chứng thực quy định tại khoản 1 Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP: *Người yêu cầu chứng thực phải nộp 01 bộ hồ sơ yêu cầu chứng thực gồm: Dự thảo hợp đồng, giao dịch (nếu có); bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng của người yêu cầu chứng thực; bản sao giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc bản sao giấy tờ thay thế được pháp luật quy định đối với tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng trong trường hợp hợp*

đồng, giao dịch liên quan đến tài sản đó; trừ trường hợp người lập di chúc đang bị cái chết đe dọa đến tính mạng.

c) Về hình thức, nội dung hợp đồng, giao dịch

- 04 trường hợp, UBND xã chứng thực Hợp đồng giao dịch, công chức tư pháp - hộ tịch tiếp nhận hồ sơ tại bộ phận một cửa không ký từng trang của Hợp đồng là vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 20 Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch: *Người tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra giấy tờ, hồ sơ. Nếu thấy đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP, thì ký vào từng trang của hợp đồng, giao dịch trước khi người có thẩm quyền thực hiện chứng thực hợp đồng, giao dịch theo quy định.* Cụ thể: Hợp đồng chứng thực số 156, ngày 03/8/2020; số 162, ngày 10/8/2020; số 164, ngày 11/8/2020 và số 165, ngày 13/8/2020.

- 02 trường hợp, nội dung, hình thức trang lời chứng chưa đảm bảo quy định về thủ tục chứng thực hợp đồng giao dịch tại khoản 4 Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP và quy định về mẫu Lời chứng chứng thực hợp đồng, giao dịch tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Thông tư số 01/2020/TT-BTP. Cụ thể: Trường hợp chứng thực số 119, ngày 09/6/2020, chứng thực hợp đồng ủy quyền giữa bên ủy quyền là hộ ông Đinh Khắc Quy và bên được ủy quyền là Huỳnh Thị Tuyết, tại trang Lời chứng không có chữ ký, họ tên của người tiếp nhận hồ sơ; Trường hợp chứng thực số 186, ngày 02/10/2020, chứng thực hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh huyện Trà Bồng và bên thế chấp là hộ ông Nguyễn Ngọc Cầu, người thực hiện chứng thực không ký, đóng dấu vào trang Lời chứng.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP: *“Người thực hiện chứng thực ghi lời chứng tương ứng với từng loại hợp đồng, giao dịch theo mẫu quy định; ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu của cơ quan thực hiện chứng thực và ghi vào sổ chứng thực”*. Đối với trường hợp chứng thực hợp đồng, giao dịch tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, theo Mẫu Lời chứng được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2020/TT-BTP, công chức tư pháp - hộ tịch thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận hồ sơ phải ký, ghi rõ họ tên vào trang Lời chứng.

- Nội dung văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế chưa đảm bảo đầy đủ, rõ ràng theo quy định về thừa kế của Bộ luật Dân sự năm 2015. Cụ thể: Trường hợp chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế số 161, ngày 07/8/2020. Các ông, bà: Trương Thị Di, Đỗ Đình Chi, Đỗ Thị Tí, Đỗ Thị Chín tiến hành lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của ông Đỗ Thái để lại. Nội dung văn bản không thể hiện mối quan hệ của những người đứng tên phân chia di sản và người để lại di sản, không kê khai cụ thể về những người

thừa kế thuộc hàng thứ nhất của người để lại di sản (vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi).

- 01 trường hợp, UBND xã chứng thực hợp đồng, giao dịch thực hiện quyền của người sử dụng đất, người tham gia giao dịch là người chưa thành niên nhưng vẫn tự mình đứng tên, ký xác lập các hợp đồng, giao dịch. Cụ thể: Trường hợp chứng thực số 156 ngày 03/8/2020, chứng thực hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bên chuyển nhượng là hộ ông Phạm Ngọc Thông và bên nhận chuyển nhượng là Nguyễn Thành Tài. Theo bản sao Giấy chứng minh nhân dân lưu hồ sơ, Nguyễn Thành Tài sinh ngày 12/11/2002, đến thời điểm chứng thực vẫn chưa đủ 18 tuổi.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Bộ luật Dân sự năm 2015: *“Người từ đủ mười lăm tuổi đến chưa đủ mười tám tuổi tự mình xác lập, thực hiện giao dịch dân sự, trừ giao dịch dân sự liên quan đến bất động sản, động sản phải đăng ký và giao dịch dân sự khác theo quy định của luật phải được người đại diện theo pháp luật đồng ý”*.

Như vậy, người chưa đủ mười tám tuổi không tự mình xác lập, thực hiện giao dịch dân sự liên quan đến bất động sản, động sản phải đăng ký mà phải được người đại diện theo pháp luật đồng ý. Theo quy định tại khoản 1 Điều 136 Bộ luật Dân sự năm 2015: *Cha, mẹ là người đại diện theo pháp luật đối với con chưa thành niên.*

- Trường hợp chứng thực số 151 ngày 20/7/2020, chứng thực hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh huyện Trà Bồng và bên thế chấp là hộ ông Nguyễn Văn Hội, bà Lê Thị Hoàng; trong hộ gia đình ông Nguyễn Văn Hội, bà Lê Thị Hoàng có Nguyễn Thị Huyền chưa thành niên. Theo bản sao Giấy chứng minh nhân dân lưu hồ sơ, Nguyễn Thị Huyền sinh ngày 05/10/2003, đến thời điểm chứng thực chưa đủ 17 tuổi.

Trường hợp này, Nguyễn Thị Huyền chưa thành niên nên không tự mình xác lập, thực hiện giao dịch dân sự liên quan đến bất động sản. Theo quy định tại khoản 2 Điều 212 Bộ luật Dân sự năm 2015: *“Trường hợp định đoạt tài sản là bất động sản, động sản có đăng ký, tài sản là nguồn thu nhập chủ yếu của gia đình phải có sự thỏa thuận của tất cả các thành viên gia đình là người thành niên có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, trừ trường hợp luật có quy định khác”*. Như vậy, Nguyễn Thị Huyền chưa thành niên nên không phải đứng tên, ký vào hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của hộ gia đình.

III. KẾT LUẬN

1. Ưu điểm

Việc thực hiện công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và chứng thực hợp đồng, giao dịch tại UBND xã Trà Bình trong những năm qua đã có nhiều chuyển biến tích cực. Cụ thể:

- Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về hộ tịch và chứng thực được Lãnh đạo UBND xã chỉ đạo thực hiện nghiêm túc; bộ thủ tục hành chính về hộ tịch và chứng thực được niêm yết công khai tại Trụ sở UBND xã.

- Sổ đăng ký hộ tịch và Sổ chứng thực hợp đồng, giao dịch được đóng dấu giáp lai, khóa Sổ đầy đủ, sử dụng Sổ theo đúng biểu mẫu quy định.

- Hồ sơ về hộ tịch và chứng thực hợp đồng, giao dịch được lưu trữ cẩn thận, sắp xếp khoa học.

2. Những tồn tại, sai sót

Việc thực hiện công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và chứng thực hợp đồng, giao dịch tại UBND xã Trà Bình, tuy đã đạt được một số mặt tích cực nhưng trong quá trình thực hiện vẫn còn vi phạm một số quy định của pháp luật chuyên ngành. Cụ thể:

2.1. Về công tác đăng ký, quản lý hộ tịch

- Công chức tư pháp - hộ tịch không ghi đầy đủ thông tin trong Sổ đăng ký hộ tịch, vi phạm quy định tại khoản 5 Điều 19 Thông tư số 15/2015/TT-BTP (từ ngày 16/7/2020, nội dung này được quy định tại khoản 5 Điều 29 Thông tư số 04/2020/TT-BTP).

- 02 trường hợp (hồ sơ số 12, 28/2020), UBND xã đăng ký kết hôn, hồ sơ không lưu Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân do đúng cơ quan có thẩm quyền cấp (UBND cấp xã nơi thường trú của người có yêu cầu cấp), vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 10, khoản 1 Điều 21 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP.

2.2. Về công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch

- Thông tin về quyền số tại bìa Sổ chứng thực hợp đồng, giao dịch và nội dung trang lời chứng ghi không đúng theo hướng dẫn tại Mục II Phụ lục mẫu lời chứng, mẫu sổ chứng thực được ban hành kèm theo Nghị định số 23/2015/NĐ-CP.

- 03 trường hợp, UBND xã chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến việc thực hiện quyền của người sử dụng đất (hồ sơ số 160, 204, 220/2020) nhưng hồ sơ không lưu bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vi phạm thủ tục chứng thực quy định tại khoản 1 Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP.

- 04 trường hợp, UBND xã chứng thực hợp đồng, giao dịch (hồ sơ số 156, 162, 164, 165/2020), công chức tư pháp - hộ tịch tiếp nhận hồ sơ tại bộ phận một cửa không ký vào từng trang của Hợp đồng, vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 20 Thông tư số 01/2020/TT-BTP.

- Nội dung, hình thức Lời chứng không đảm bảo quy định về thủ tục chứng thực hợp đồng giao dịch tại khoản 4 Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP và quy định về mẫu Lời chứng chứng thực hợp đồng, giao dịch tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Thông tư số 01/2020/TT-BTP (hợp đồng chứng thực các số 119, 186/2020).

- 01 trường hợp, chứng thực hợp đồng, giao dịch thực hiện quyền của người sử dụng đất, người tham gia giao dịch là người chưa thành niên nhưng vẫn tự mình đứng tên, ký xác lập các hợp đồng, giao dịch (hợp đồng số 156/2020); vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 21 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan

Chủ tịch UBND xã Trà Bình là người có thẩm quyền ký các giấy tờ hộ tịch, chứng thực hợp đồng, giao dịch và chịu trách nhiệm trước pháp luật trong việc thực thi công tác này nhưng chưa thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở; chưa có biện pháp chỉ đạo sâu sát, chặt chẽ đối với công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch trên địa bàn xã. Bên cạnh đó, công chức tư pháp - hộ tịch khi tiếp nhận hồ sơ của công dân, chưa hướng dẫn công dân thực hiện đầy đủ theo đúng quy định pháp luật. Do đó, việc thực hiện công tác đăng ký hộ tịch và chứng thực hợp đồng, giao dịch tại UBND xã còn một số sai sót như đã nêu trên.

IV. KIẾN NGHỊ

Căn cứ Luật Thanh tra năm 2010 và các văn bản có liên quan, trên cơ sở kết quả thanh tra, xét tính chất và mức độ các sai phạm; Giám đốc Sở Tư pháp kiến nghị như sau:

1. UBND xã Trà Bình

1.1. Lãnh đạo UBND xã tiếp tục phát huy những kết quả đạt được trong công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và chứng thực hợp đồng, giao dịch; đồng thời, nghiêm túc rút kinh nghiệm đối với những tồn tại, sai sót đã nêu tại Mục II, Mục III Kết luận thanh tra; thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở công chức tư pháp - hộ tịch trong việc thực hiện công tác này.

Công chức tư pháp - hộ tịch xã cần chủ động, tích cực nghiên cứu các quy định pháp luật về các lĩnh vực được phân công để thực hiện tốt hơn trong việc hướng dẫn, yêu cầu người dân thực hiện quy trình, thủ tục theo đúng quy định pháp luật; từ đó, tham mưu tốt hơn cho Lãnh đạo UBND xã trong hoạt động quản lý nhà nước về công tác tư pháp - hộ tịch.

1.2. Chủ tịch UBND xã chỉ đạo công chức tư pháp - hộ tịch tham mưu khắc phục những tồn tại, sai sót. Cụ thể:

- Công tác đăng ký, quản lý hộ tịch:

+ Bổ sung thông tin còn thiếu vào Sổ đăng ký khai sinh, Sổ đăng ký khai tử (đăng ký khai sinh số 11/2020, đăng ký khai tử số đăng ký 05/2020).

+ Nghiêm túc rút kinh nghiệm đối với 02 trường hợp đăng ký kết hôn không lưu Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân do UBND cấp xã có thẩm quyền cấp.

- Công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch:

+ Ghi thông tin về quyền số tại bìa Sổ chứng thực hợp đồng, giao dịch và nội dung trang lời chứng theo hướng dẫn tại Mục II Phụ lục mẫu lời chứng, mẫu sổ chứng thực được ban hành kèm theo Nghị định số 23/2015/NĐ-CP.

+ Bổ sung bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 03 trường hợp chứng thực hợp đồng, giao dịch (hồ sơ số 160, 204, 220/2020).

+ Khắc phục theo đúng quy định đối với các trường hợp chứng thực hợp đồng, giao dịch các số 119, 186/2020 (nội dung, hình thức trang Lời chứng chưa đảm bảo quy định).

+ Trường hợp chứng thực số 156 ngày 03/8/2020, chứng thực hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bên chuyển nhượng là hộ ông Phạm Ngọc Thông và bên nhận chuyển nhượng là Nguyễn Thành Tài: Đề nghị UBND xã mời công dân đến để giải thích quy định của pháp luật về việc xác lập hợp đồng, giao dịch dân sự của người chưa thành niên; hướng dẫn công dân khắc phục theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 125 Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.3. Về công tác đăng ký, quản lý hộ tịch: Để thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực đăng ký và quản lý hộ tịch ở địa phương, Lãnh đạo UBND xã Trà Bình và công chức tư pháp - hộ tịch cần nghiên cứu, nắm vững các quy định của Luật Hộ tịch năm 2014, Nghị định số 123/2015/NĐ-CP, Thông tư số 04/2020/TT-BTP và các văn bản khác có liên quan để giải quyết các yêu cầu của công dân được nhanh chóng, chính xác, đúng quy định của pháp luật.

1.4. Về công tác chứng thực:

- Theo hướng dẫn của Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực - Bộ Tư pháp tại Công văn số 842/HTQTCT-CT ngày 26/5/2016 về việc quán triệt thực hiện một số quy định về chứng thực: Theo quy định tại Điều 35 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP, người yêu cầu chứng thực phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung, tính hợp pháp của hợp đồng, giao dịch; người thực hiện chứng thực chịu trách nhiệm về thời gian, địa điểm giao kết hợp đồng, giao dịch; năng lực hành vi dân sự, ý chí tự nguyện, chữ ký hoặc điểm chỉ của các bên tham gia hợp đồng, giao dịch. Quy định như vậy không có nghĩa là người thực hiện chứng thực không phải chịu trách nhiệm gì đối với hợp đồng, giao dịch có nội dung trái pháp luật, đạo đức xã hội mà với trách nhiệm của một cán bộ, công chức bắt buộc phải biết để từ chối chứng thực theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP. Do vậy, để bảo vệ quyền lợi của người dân và bảo đảm thực hiện đúng quy định pháp luật, khi chứng thực hợp đồng giao dịch, Chủ tịch UBND xã Trà Bình và công chức tư pháp - hộ tịch phải xem xét đến nội dung của hợp đồng, giao dịch, đặc biệt đối với hợp đồng, giao dịch liên quan đến quyền sử dụng đất. Với trách nhiệm là cơ quan quản lý đất đai ở địa phương, Chủ tịch UBND xã cần kiểm tra, xác minh để bảo đảm tính hợp pháp của thửa đất là đối tượng của hợp đồng, giao dịch.

- Khi thực hiện chứng thực hợp đồng giao dịch, tùy vào đối tượng tài sản của hợp đồng, giao dịch, ngoài việc tuân thủ các quy định tại Nghị định số 23/2015/NĐ-CP và Thông tư số 01/2020/TT-BTP; các bên tham gia giao dịch

và cơ quan có thẩm quyền chứng thực cần phải tuân thủ các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Luật Đất đai năm 2013, Luật Nhà ở năm 2014 và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

- UBND xã Trà Bình có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến để người yêu cầu chứng thực nhận thức rõ trách nhiệm đối với nội dung của hợp đồng, giao dịch và hệ quả pháp lý của việc chứng thực hợp đồng, giao dịch. Trường hợp UBND xã phát hiện tài sản là đối tượng của hợp đồng, giao dịch là tài sản bất hợp pháp hoặc đang có tranh chấp, đã hoặc đang là đối tượng của hợp đồng, giao dịch khác thì cơ quan thực hiện chứng thực lập biên bản vi phạm, giữ lại hồ sơ để đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định pháp luật theo Điều 21 Thông tư số 01/2020/TT-BTP.

2. Phòng Tư pháp huyện Trà Bồng

Tăng cường công tác kiểm tra, hướng dẫn, tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, hỗ trợ về chuyên môn, nghiệp vụ cho công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã; có biện pháp, hình thức tuyên truyền rộng rãi, đạt hiệu quả hơn cho Nhân dân trên địa bàn huyện, nhằm nâng cao ý thức chấp hành các quy định pháp luật của người dân, góp phần nâng cao chất lượng công tác tư pháp địa phương.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Yêu cầu UBND xã Trà Bình tổ chức niêm yết công khai Kết luận thanh tra này tại trụ sở làm việc của UBND xã trong 15 ngày liên tục theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 46 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011 của Chính phủ. Trong thời hạn 30 ngày, UBND xã Trà Bình phải báo cáo kết quả thực hiện Kết luận thanh tra về Sở Tư pháp (*qua Thanh tra sở*) để theo dõi, kiểm tra, đôn đốc theo quy định tại Nghị định số 33/2015/NĐ-CP ngày 27/3/2015 của Chính phủ.

2. Giao Chánh Thanh tra Sở Tư pháp theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra và báo cáo Giám đốc Sở theo quy định./.

Nơi nhận:

- Thanh tra Bộ Tư pháp;
- Thanh tra tỉnh;
- Phòng Tư pháp huyện Trà Bồng;
- UBND xã Trà Bình;
- GD, các PGĐ Sở;
- CVP, CTTr sở;
- Trang TTĐT Sở;
- Lưu: VT, TTr (nttr).

GIÁM ĐỐC

Tôn Long Hiếu